CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Date: 2026.08.12 11:07:06 +07'00'

Công ty TNHH Một Thành Viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic Of Vietnam

Independence – Freedom – Happiness

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Ho Chi Minh City, Aug 12, 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 6 THÁNG NĂM 2026

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT ACTIVITIES IN HALF YEAR 2026

(According to Appendix XXV attached to Circular No. 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Commission

I. Thông tin về quỹ

Fund Information

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

Fund Name and Type:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- *Fund Name: DFVN Capital Appreciation Fund*
- Sau đây gọi tắt là "**Quỹ**" hoặc "**DFVN-CAF"**
- *Abbreviation: "the Fund" or "DFVN-CAF"*
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- *Fund Type: Open-ended fund*

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Investment Objectives:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

The DFVN-CAF aims to grow the capital and assets of investors, striving to outperform the growth of the Vietnam Stock Market (VN-Index) in the long term by primarily investing in listed stocks on the Vietnam Stock Market.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

Duration: The fund has an indefinite duration.

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

Benchmark Portfolio: Not applicable.

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Profit Distribution Policy:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

As stated in the Prospectus, the Fund primarily invests in stocks with the main objective of capital growth in the medium and long term; therefore, it has limitations in dividend distribution. Profit distribution (if any) will be based on the audited financial statements of the Fund within the legal framework, as proposed by the Fund Management Company, approved by the Fund Representative Board, and passed by the General Meeting of Investors.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

Profit distribution principles include:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;

  Profits distributed to investors are derived from current period profits or accumulated profits after the Fund has fulfilled all tax and financial obligations as per the law.

- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

  The profit distribution rate must comply with the Fund's profit distribution policy as stipulated in the Fund's Charter and approved by the General Meeting of Investors.

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

After distribution, the Fund must ensure sufficient capital to pay off due debts and other liabilities, and the Net Asset Value (NAV) of the Fund after profit distribution must not be less than VND 50 billion.

- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

  In case of profit distribution in Fund Units, the Fund must have sufficient corresponding capital from undistributed post-tax profits based on the latest audited or reviewed financial statements.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư. Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Profit distribution can be in cash or Fund Units. Distribution in Fund Units must be pre-approved by the General Meeting of Investors. Only investors listed as owning Fund Units on the record date are entitled to receive dividends from the Fund.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

The Fund Management Company must deduct all taxes, fees, and charges as per the law before distributing profits to investors.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

The Fund Management Company may distribute assets of the Fund to investors more than the realized profits, but the NAV of the Fund after distribution must not be less than VND 50 billion. The implementation plan, timeline, scale of asset distribution, and capital source must be approved by the General Meeting of Investors.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2026: 9.748.652,42 đơn vị quỹ

Number of Fund Units in Circulation as of Jun 30, 2026: 9,748,652.42 unit

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Changes in the Fund Charter during the Reporting Period:

Điều lệ Quỹ DFVN-CAF sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 đã được Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2025 của Quỹ DFVN-CAF thông qua vào ngày 23/04/2026.

The 5th amended and supplemented Charter of DFVN-CAF was approved at the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025 of DFVN-CAF on April 23, 2026.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày tại Phụ lục Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2025 Quỹ DFVN-CAF đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn truy cập tin công bố thông tin như sau: https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/2180

Details of the amendments to the Fund Charter are presented in the Appendix attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025 of DFVN-CAF, which is published on the Company's website at the following information disclosure link: https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/2180

Trong đó, nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ liên quan đến việc cập nhật văn bản pháp lý; các loại tài sản của Quỹ, hạn chế đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư, Sổ đăng ký Nhà đầu tư, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mua lại một phần Chứng chỉ Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ, hoạt động Đại lý phân phối, xác định giá trị tài sản ròng, quy định về thay đổi tăng giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC; tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ; quy định về giá dịch vụ Quản lý Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; cập nhật thông tin của Ngân hàng Giám sát và nội dung khác.

In particular, the amendments to the Fund Charter relate to updates to legal documents; the Fund's asset types, investment restrictions, rights and obligations of Investors, the Investors Book, Fund Unit transactions, partial redemption of Fund Units, the General Meeting of Investors, rights and obligations of the Fund Representative Board, activities of Distribution Agents, determination of net asset value, provisions on changes and increases to the issuance service price, redemption service price and Fund Unit switching service price in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC; Fund Unit trading frequency; provisions on the Fund Management Service Price; amendments and supplements to the Fund Charter; updates to information of the Supervisory Bank; and other contents.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Resolutions of the General Meeting of Investors during the Reporting Period:

Vào ngày 23/04/2026, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2025 Quỹ DFVN-CAF đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

On April 23, 2026, the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025 of DFVN-CAF approved the following contents:

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;

  Approve the 2025 audited Financial Statements of the DFVN-CAF;

- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2026:

  Approve the 2026 budget plan for the operation of the Fund Representative Board of the DFVN-CAF:

  - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/ tháng/ người.

    Approve the remuneration of the Fund Representative Board of VND 5,000,000 /month/person;

  - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF trong năm 2026 là: 180.000.000 VNĐ.

    Approve the total of 2026 remuneration of the members of the Fund Representative Board of the DFVN-CAF is: VND 180,000,000.

- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PWC (Việt Nam) là công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Quỹ DFVN-CAF;

  Approve PWC (Viet Nam) Ltd. is the auditing company to perform the review of interim financial statements and the audit of financial statements for the year 2026 for DFVN-CAF;

- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF.

Approve amendments, supplement of the DFVN-CAF Charter.

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán**:** Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Comments from the Supervisory Bank ("SB") on Circular of Guiding the operation and management of securities investment funds: Net asset value of DFVN-CAF is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations;

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

Fund Performance Report

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

Information on the Investment Portfolio and Net Asset Value of the Fund:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

DFVN-CAF Portfolio Structure:

Cơ cấu tài sản quỹ ***Asset Structure***	**30/06/2026** **(%)**	**30/06/2025** **(%)**	**30/06/2024** **(%)**
1. Cổ phiếu niêm yết *Listed Stocks*	93.66	93.63	89.64
2. Tiền và các khoản tương đương tiền *Cash and Cash Equivalents*	4.17	6.02	9.61
3. Tài sản khác *Other Assets*	2.17	0.35	0.75
Cộng ***Total***	**100,00**	**100.00**	**100.00**

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

Sector Allocation of Listed Stocks:

Ngành ***Sector***	**DFVN-CAF**		
	30/06/2026 **(%)**	**30/06/2025** **(%)**	**30/06/2024** **(%)**

Tài chính *Finance*	40,6	45,2	36,0
Bất động sản *Real Estate*	0,2	5,6	4,4
Hàng tiêu dùng *Consumer Goods*	9,6	8,9	9,1
Bán lẻ *Retail*	7,1	6,8	3,3
Công nghiệp *Industry*	5,5	8,5	11,9
Công nghệ thông tin *Information Technology*	1,0	6,3	18,5
Vật liệu xây dựng *Building Materials*	17,5	14,6	10,9
Tiện ích *Utilities*	8,0	2,0	3,1
Năng lượng *Energy*	10,5	2,0	2,7
Tổng cộng ***Total***	**100,00**	**100,00**	**100,00**

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Net Asset Value of the Fund:

Chỉ tiêu ***Item***	**30/06/2026**	**30/06/2025**	**30/06/2024**
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND) *Net Asset Value of the Fund (VND)*	167,271,620,227	143,032,578,323	122,339,948,591
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) *NAV per Fund Unit at the reporting date (VND/Unit)*	17,158.43	15,850.33	15,939.53
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) *Number of Fund Units in circulation (Unit)*	9,748,652.42	9,023,948.69	7,675,253.20
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ) *Highest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)*	19,536.50	16,323.45	16,473.81

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ) *Lowest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)*	16,954.39	14,280.03	13,890.48

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Total Fund Profit:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND) ***Item (VND)***	**30/06/2026**	**30/06/2025**	**30/06/2024**
Tổng thu nhập của Quỹ ***Investment income***	**(575,086,507)**	**49,084,183**	**18,554,856,001**
Cổ tức được chia *Dividend income*	1,588,954,100	1,683,971,600	1,204,999,100
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư *Realized gain (losses) from disposal investments*	11,674,504,860	(979,005,957)	15,416,490,972
Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện *Unrealized gain (losses) from investment revaluation*	(14,074,932,960)	(774,719,243)	1,764,576,578
Các khoản thu nhập khác *Other income*	236,387,493	118,837,783	168,309,351
Các khoản thu nhập khác về đầu tư *Other investment income*	**-**	**-**	480,000
Tổng chi phí của Quỹ ***Total Fund Expenses***	**1,910,134,827**	**1,423,956,949**	**1,634,816,162**
Tổng lợi nhuận của Quỹ ***Total Fund Profit***	**(2,485,221,334)**	**(1,374,872,766)**	**16,920,039,839**

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

Profit Distribution per Fund Unit during the reporting period: The Fund did not distribute profits during the reporting period.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Operating Expense Ratio and Portfolio Turnover Rate:

CHỈ TIÊU ***Item***	**Bán niên/ Half year 2026 (%)**	**Bán niên/ Half year 2025 (%)**	**Bán niên/ Half year 2024 (%)**
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	1.18	0.99	1.13

Management expense over average NAV ratio			
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ *Custodian and supervising fee expense over average NAV ratio*	0.29	0.34	0.37
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ *Outsourcing service expenses over average NAV ratio*	0.16	0.21	0.22
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ *Audit fee expense over average NAV ratio*	0.10	0.13	0.13
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ *Legal consultancy, OTC price quotation and other valid service fees; Board of Representatives' remuneration expense over average NAV ratio*	0.10	0.14	0.14
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ *Operating expense over average NAV ratio*	2.26	2.18	2.62
Tốc độ vòng quay danh mục *Portfolio turnover rate*	180.43	146.03	241.96

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: Không có

Information on Loans, Deferred Payments, Repo/Reverse Repo Transactions: None

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Fund Profit Indicators:

	Bán niên/ Half year 2026	**Bán niên/ Half year 2025**	**Bán niên/ Half year 2024**
Tổng lợi nhuận (VND) ***Total profit (VND)***	(2,485,221,334)	(1,374,872,766)	16,920,039,839

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo: (1.141.769.294) (VND)

Average Annual Profit in 60 months (5 years) to reporting date: VND(1,141,769,294)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Other Comparative Indicators:

Chỉ tiêu ***Item***	**Kỳ kết thúc ngày 30/06 năm** ***Financial Year Ending Jun 30***		
	2026	**2025**	**2024**
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) ***Fund scale at the beginning of the period (based on par value of fund certificate)***			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND) *Total value of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (VND)*	100,889,072,900	83,459,666,200	116,152,860,700
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ) *Total number of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (unit)*	10,088,907.29	8,345,966.62	11,615,286.07
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) ***Change of Fund scale during the period (based on par value of fund certificate)***			
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ) *Number of Fund Certificates subscribed during the period (unit)*	2,796,213.55	2,041,934.70	4,642,235.75
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND) *Net subscription amount in period (based on par value) (VND)*	27,962,135,500	20,419,347,000	46,422,357,500
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ) *Number of Fund Certificates redeemed during the period (unit)*	(3,136,468.42)	(1,363,952.63)	(8,582,268.62)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND) *Net redemption amount in period (based on par value) (VND)*	(31,364,684,200)	(13,639,526,300)	(85,822,686,200)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			

Fund scale at the end of the period (based on par value of fund unit)			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND) *Total value of outstanding Fund Certificate at the end of the period (VND)*	97,486,524,200	90,239,486,900	76,752,532,000
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ) *Total number of outstanding Fund Certificate at the end of the period (unit)*	9,748,652.42	9,023,948.69	7,675,253.20
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%) ***Fund Management Company and related parties' ownership ratio at the end of the period (%)***	**26.70**	**42.32**	**52.92**
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%) ***Top 10 investors' ownership ratio at the end of the period (%)***	**37.41**	**46.61**	**56.91**
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%) ***Foreign investors' ownership ratio at the end of the period (%)***	**21.73**	**35.25**	**46.05**
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ ***Number of investors of the Fund at the end of the period***	**4,834**	**3,397**	**2,119**
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND/CCQ) ***Net asset value per Fund Certificate at the end of period (VND/unit)***	**17,158.43**	**15,850.33**	**15,939.53**

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, publicly disclosed, and verified by an independent organization. The asset valuation method is stipulated in the Valuation Handbook prepared by the Fund Management Company, approved by the Fund Representative Board, and reviewed by the Supervisory Bank.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức

dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

Data is provided by an independent organization: securities prices are provided by reputable, independent quotation service providers in the market.

4. **Khuyến cáo:**

Disclaimer:

Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

The information on the Fund's performance is for reference only and does not guarantee future profitability for investors.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Report on Asset Management Activities of the Fund Management Company

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

Explanation of Changes in the Fund Management Company: The Fund did not change its Fund Management Company during the reporting period.

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: (*thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ)*

Explanation of Whether the Fund Achieved its Investment Objectives: (This explanation is presented in the Fund's annual report.)

Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt từ cuối năm 2020.

The Fund began disbursement on January 10, 2019, and completed disbursement by the end of January 2019. After the initial disbursement period, the Fund has kept pace with the market and has started achieving strong profit growth from end of 2020.

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc nửa đầu năm 2026 với VN-Index đóng cửa ở mức trên 1.860 điểm, tăng gần 4,2% so với cuối năm 2025, thị trường được đánh giá tăng trưởng tích cực bất chấp các rủi ro liên quan đến cuộc xung đột ở Trung Đông, khủng hoảng giá năng lượng. Tuy nhiên thị trường tăng trưởng không đồng đều, chỉ số tăng chủ yếu do tập trung vào một vài nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn, phần lớn cổ phiếu có mức tăng khiêm tốn, thậm chí suy giảm trong năm 2025. Do đó Quỹ đã có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ chủ yếu nắm giữ các mã cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và danh mục hướng đến mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

The Vietnamese stock market closed the first half of 2026 with the VN-Index ending at over 1,860 points, representing an increase of nearly 4.2% compared to the end of 2025. The market delivered positive growth despite risks associated with the conflict in the Middle East and the energy price crisis. However, market performance was uneven, with the index's gain driven primarily by a few large-cap sectors, while the majority of stocks recorded only modest increases or even declined

during 2025. As a result, the CAF's performance lagged the VN-Index, as its portfolio is mainly composed of fundamentally strong stocks and is managed with a long-term growth objective.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio, Base Index Published in the Prospectus for the Same Reporting Period (by Graph):

(Ghi chú: Biểu đồ tính từ ngày Quỹ hoàn tất giải ngân, ngày 31/01/2019)

(Note: The Fund completed disbursement from January 31, 2019)

30/06/2026	6 Tháng	9 Tháng	YTD 2025	2024	2023	2022	2021	2020	Từ lúc giải ngân (10/01/2019)
DFVN-CAF	-2.74%	-3.41%	-2.74%	15.87%	12.94%	-25.10%	30.05%	20.98%	71.58%
VN-Index	4.23%	11.93%	4.23%	12.11%	12.20%	-32.78%	35.73%	14.87%	107.06%
VN100	0.70%	6.26%	0.70%	16.48%	18.17%	-36.62%	47.94%	21.56%	134.75%
So với VNIndex	**-6.97%**	**-15.35%**	**-6.97%**	**3.76%**	**0.74%**	**7.68%**	**-5.68%**	**6.11%**	**-35.47%**

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng*

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio, Base Index Published in the Prospectus for the Last 5 Years up to the Reporting Date (by Graph): Not applicable

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. (Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ): *Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược*

đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Description of Investment Strategies and Tactics Used by the Fund during the Reporting Period: The Fund's investment strategy aligns with the strategy published in the Prospectus: The Fund invests in a diversified portfolio of large-cap listed stocks on the Vietnam Stock Market. Industry and company selection is based on a value-oriented approach, fundamental analysis, and an assessment of market factors.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

Company selection criteria include:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
  Leading companies in their business sectors
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
  Healthy financial status
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
  Stable cash flow and good asset quality
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.
  Reliable corporate governance system

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán.

The main investment focus of the DFVN-CAF is on listed stocks on the Stock Exchanges.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Description of Differences in the Fund's Investment Portfolio Structure at the Reporting Date Compared to the Previous Year's Portfolio:

Danh mục đầu tư của Quỹ tiếp tục kiên định với chính sách nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngân hàng, tiêu dùng, đầu tư công…; và chọn lọc các doanh nghiệp lớn có nền tảng tốt trong khi giảm mạnh tỷ trong nắm giữ cổ phiếu đầu cơ, bất động sản nhằm đón đầu các thuận lợi trong giai đoạn tăng trưởng mới của nền kinh tế.

The Fund's investment portfolio remains committed to its policy of holding stocks in essential sectors such as banking, consumer goods, and public investment. It focuses on selecting large enterprises with strong fundamentals while significantly reducing its holdings in speculative and real estate stocks to capitalize on favorable conditions in the economy's new growth phase.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Analysis of the Fund's Performance Based on the Comparison of NAV per Fund Unit (after adjusting for distributed profits, if any) at this Reporting Period and the Previous Reporting Period:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 30/06/2026 đạt 17.158,43 giảm 2,7% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2025. Diễn biến thị trường chứng khoán trong nửa đầu năm tương đối giằng co khi tăng trưởng tích cực trong giai đoạn đầu năm nhờ kỳ vọng tăng trưởng kinh tế cao và chính sách hỗ trợ của Chính Phủ, nhưng sau đó chịu áp lực điều chỉnh trước biến động địa chính trị ở khu vực Trung Đông và dòng vốn rút ròng của nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra áp lực lãi suất và thanh khoản của thị trường cũng suy giảm từ quý 2 đã ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán trong giai đoạn này.

The Fund's Net Asset Value (NAV) per unit as of June 30, 2026 stood at VND 17,158.43, representing a decrease of 2.7% compared to the NAV per unit as of December 31, 2025. The stock market exhibited relatively volatile and range-bound movements during the first half of the year. While market performance was positive in the early months, supported by expectations of strong economic growth and government stimulus measures, it later came under correction pressure due to geopolitical tensions in the Middle East and continued net foreign investor outflows. In addition, rising interest rate pressures and a decline in market liquidity from the second quarter onward negatively affected stock market performance during this period.

Tính chung nửa đầu năm 2026, Quỹ có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ đã không nắm giữ các mã cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc một số hệ sinh thái các doanh nghiệp niêm yết, dựa trên đánh giá các yếu cố cơ bản về định giá không hấp dẫn, trong khi đó một số cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt có mức tăng thấp hơn kỳ vọng, thậm chí suy giảm trong năm 2025. Tuy nhiên với chính sách đầu tư an toàn và dài hạn, Quỹ tiếp tục kiên định không đầu tư các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ ngắn hạn, thanh khoản thấp hoặc được đánh giá có rủi ro cao.

For the first half of 2026, the Fund's growth was lower than the VN-Index because its portfolio did not include large-cap stocks from certain listed corporate ecosystems, based on assessments that their fundamental valuations were unattractive. Meanwhile, several stocks with strong fundamentals experienced lower-than-expected growth or even declined during 2025. However, with a safe and long-term investment policy, the Fund remains committed to avoiding short-term speculative stocks, those with low liquidity, or those assessed as high-risk.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap).

Assessment of Market Fluctuations during the Reporting Period, Including Foreign Markets, and Information on Investment Returns for Each Asset Type: Stocks, Blue-Chip Stocks, Small-Cap Stocks:

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

The Fund focused on investing in listed stocks on the Stock Exchanges, primarily in large-cap companies with high liquidity, leadership in their industries, competitive advantages, long-term growth potential, good governance, and strong financial capacity. The Fund also allocated a portion of its assets to listed companies with lower market capitalization and liquidity but attractive valuations and clear growth potential.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)

The chart below shows the VN-index trend (blue line) and trading value (red columns).

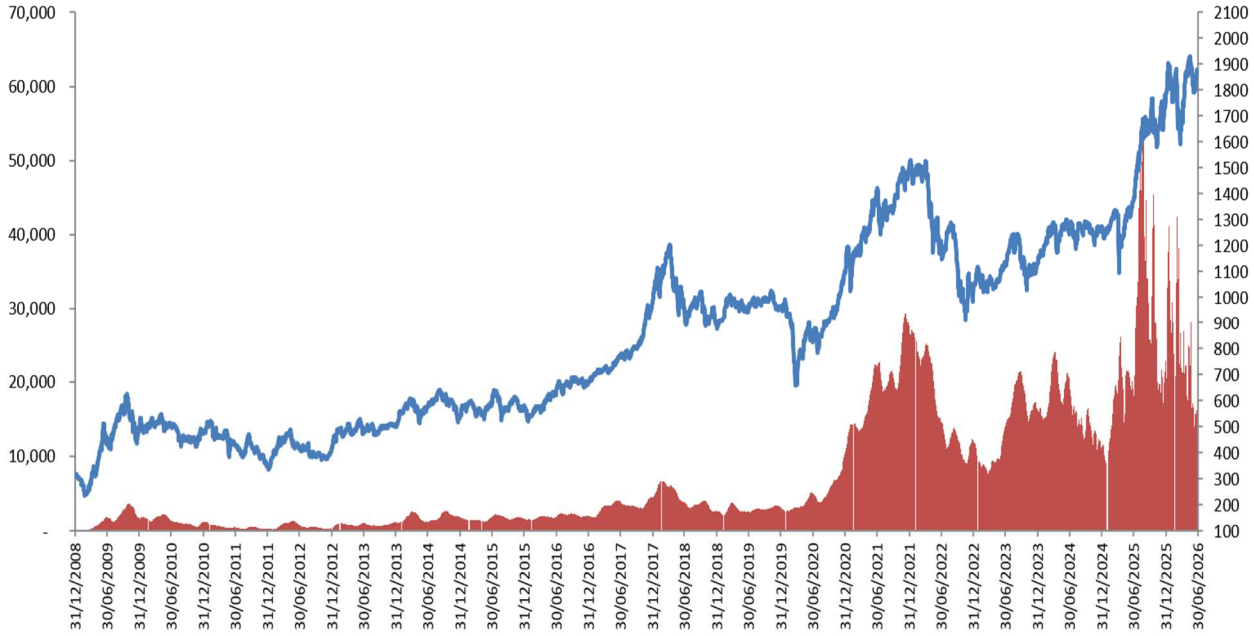

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc 6 tháng đầu năm 2026 với VN-Index đạt 1.860 điểm, tăng 4,23% so với cuối năm 2025. Tuy nhiên, phía sau mức tăng của chỉ số là sự phân hóa rất mạnh giữa các nhóm cổ phiếu. Mức tăng của VN-Index chủ yếu đến từ một số cổ phiếu thuộc vài nhóm hệ sinh thái lớn, trong khi phần lớn cổ phiếu còn lại có diễn biến kém tích cực hơn đáng kể. Đây là dấu hiệu cho thấy thị trường đang phụ thuộc nhiều vào nhóm dẫn dắt thay vì sự tăng trưởng bền vững trên diện rộng.

Thị trường trong nửa đầu năm 2026 có sức chống chịu tương đối tốt trước các biến động bên ngoài. Mặc dù môi trường quốc tế vẫn chịu tác động từ căng thẳng địa chính trị, biến động lãi suất toàn cầu và áp lực tỷ giá, dòng tiền trong nước vẫn duy trì sự ổn định. Thanh khoản thị trường đạt giá trị giao dịch bình quân khoảng 25.200 tỷ đồng/phiên, cao hơn mức 19.200 tỷ đồng/phiên của năm 2025. Mặc dù vậy diễn biến thanh khoản cũng tương tự như diễn biến chỉ số Vn-index, khi càng về giai đoạn cuối quý 2 năm 2026, thanh khoản càng suy giảm mạnh.

The Vietnamese stock market concluded the first half of 2026 with the VN-Index reaching 1,860 points, up 4.23% compared to the end of 2025. However, behind this gain lies a significant divergence across stock groups. The increase in the VN-Index was driven primarily by a limited number of stocks within several large business ecosystems, while the majority of listed stocks delivered considerably weaker performance. This indicates that the market is increasingly dependent on a small group of leading stocks rather than broad-based and sustainable growth.

During the first half of 2026, the market demonstrated relatively strong resilience against external uncertainties. Although the global environment continued to be affected by geopolitical tensions, fluctuations in global interest rates, and exchange rate pressures, domestic capital flows remained stable. Average daily trading value reached approximately VND 25.2 trillion per session, higher than the VND 19.2 trillion per session recorded in 2025. Nevertheless, liquidity trends mirrored the movement of the VN-Index, with trading activity declining notably toward the end of the second quarter of 2026.

Đánh giá trong dài hạn thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một trong những thị trường có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn trong khu vực. Dù còn nhiều biến động ngắn hạn, các yếu tố nền tảng đang cho thấy dư địa phát triển đáng kể.

Thứ nhất, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao. Quy mô GDP, thu nhập bình quân đầu người, tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI tiếp tục mở rộng, tạo nền tảng cho tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết.

Thứ hai, quá trình nâng hạng thị trường là động lực cấu trúc quan trọng. Khi Việt Nam tiến gần hơn đến nhóm thị trường mới nổi, khả năng thu hút dòng vốn từ các quỹ đầu tư toàn cầu sẽ tăng đáng kể, giúp cải thiện thanh khoản, chất lượng nhà đầu tư và mặt bằng định giá.

Thứ ba, thị trường vốn đang dần trở thành kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Sự phát triển của thị trường cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp sẽ làm giảm sự phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng, qua đó nâng cao chất lượng tăng trưởng của thị trường tài chính.

From a long-term perspective, the Vietnamese stock market remains one of the most attractive growth markets in the region. Despite ongoing short-term volatility, underlying fundamentals continue to point to substantial development potential.

First, Vietnam remains among the fastest-growing economies. GDP size, per capita income, domestic consumption, and foreign direct investment (FDI) inflows continue to expand, providing a solid foundation for earnings growth among listed companies.

Second, the market upgrade process represents an important structural catalyst. As Vietnam moves closer to achieving emerging market status, its ability to attract capital from global investment funds is expected to increase significantly, thereby improving market liquidity, enhancing investor quality, and supporting valuation levels.

Third, the capital market is gradually becoming a key funding channel for the economy. The continued development of the equity market, corporate bond market, and professional investment institutions will help reduce reliance on bank credit, thereby improving the quality and sustainability of growth within the financial market.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

Information on Fund Unit Splits during the Period (if any); Impact of Fund Unit Splits on NAV per Fund Unit (before and after the split): The Fund did not conduct any unit splits or consolidations during the period.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.

Cases Affecting the Rights of Fund Unit Holders: The rights of Fund Unit holders are as stipulated in the Fund Charter and Prospectus.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

Information on Transactions with Related Parties: The Fund did not conduct any investment or asset transactions between the Fund and the Fund Management Company and related parties, except for transactions of Fund Units by internal persons and related parties of internal persons (these transactions are disclosed and reported according to the legal regulation on information disclosure in the securities market), and expenses in accordance with the Fund Charter and Prospectus.

m) Các thông tin khác (nếu có): *không có*

Other Information (if any): None

VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026:

Report on operations of the Supervisory bank for the Period from Jan 01, 2026 to Jun 30 2026:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.

Explanations about the replacement of the supervisory bank (if any): There was no change in the supervisory bank during the period.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng lưu ký giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Depository of assets of the fund: The assets of the fund are deposited at the custody and supervisory bank in accordance with current legal regulations.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Compliance with investment limits and loan limits as prescribed by law, charter of the fund and prospectus: Fund Management Company has complied with investment restrictions, lending and borrowing restrictions of the Fund in accordance with prevailing regulations, the Fund's Charter, Fund's prospectus;

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo

bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

Net asset value of DFVN-CAF is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations;

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Offering of additional fund certificates and redemption of fund certificates as prescribed by law, Fund's Charter and Prospectus: Subscription and redemption of Fund units are in accordance with Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

Distribution of profits of the fund: fund has not distributed profits in this reporting period.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Report on Delegated Activities

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 30/06/2026:

Fee Payable to Delegated Parties Compared to Profit, Income, and Total Operating Expenses of the Fund for the ending Jun 30, 2026:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền ***Fee Payable to Delegated Parties***	**Tỷ lệ so với lợi nhuận** ***Percentage of Profit***	**Tỷ lệ so với thu nhập** ***Percentage of Income***	**Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động** ***Percentage of Total Operating Expenses***
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%) *OEFs Fund Administration fee (%)*	2.92	12.64	3.80
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%) *Transfer Agency fee (%)*	2.66	11.48	3.46

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

Asset Ownership Registration: Not applicable

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

Impact of Delegated Activities on Fund Profit and Risk Level: None

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Không có

Total Costs of Delegated Activities Payable to Delegated Parties (if the delegated party provides multiple services to the fund management company): None

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

During the Fund's operation, the Company believes that the Fund Administration Services provided by HSBC Bank (Vietnam) Ltd., the Transfer Agency Services provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) continue to meet the requirements regarding internal control systems, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot site, and disaster recovery systems, ensuring that delegated services for the DFVN Capital Appreciation Fund (DFVN-CAF) are carried out smoothly, without affecting the investment activities of investors.

Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV

Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chief Executive Officer of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited

Trần Châu Danh